

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cung cấp thông tin và phối hợp thực hiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc cung cấp thông tin và phối hợp thực hiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các nội dung sau:

1. Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ cho công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.
2. Quy trình phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tới công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ số tín nhiệm quốc gia là chỉ số đánh giá về khả năng tài chính cũng như khả năng hoàn trả đúng hạn tiền gốc và lãi các khoản nợ của một quốc gia. Hệ số tín nhiệm quốc gia càng thấp thì mức độ rủi ro về khả năng không thanh toán được các khoản nợ càng cao.

Hệ số tín nhiệm quốc gia bao gồm:

- Mức trần tín nhiệm quốc gia;

- Mức tín nhiệm của các công cụ nợ bằng ngoại tệ và nội tệ phát hành trên thị trường vốn trong nước và quốc tế của Chính phủ.

Hệ số tín nhiệm thường được biểu hiện bằng các chữ cái, chữ số, dấu (A, B, C, D, a, 1, 2, 3, +, -).

2. Xếp hạng tín nhiệm quốc gia là việc các tổ chức xếp hạng tín nhiệm thực hiện việc phân tích, đánh giá các thông tin về kinh tế, chính trị, xã hội của một quốc gia để đưa ra hệ số tín nhiệm cho quốc gia đó.

3. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm là các tổ chức độc lập chuyên thực hiện việc xếp hạng tín nhiệm, trong đó có xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

4. Công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia là việc các Bộ, ngành, tổ chức liên quan thực hiện việc cung cấp số liệu, làm việc và trao đổi thông tin với tổ chức xếp hạng tín nhiệm, giúp tổ chức xếp hạng tín nhiệm đưa ra báo cáo đánh giá về xếp hạng tín nhiệm của quốc gia.

5. Công cụ nợ là sản phẩm tài chính xác lập nghĩa vụ nợ của tổ chức phát hành, bao gồm: Trái phiếu, công trái, các khoản vay và các sản phẩm tài chính có phát sinh nghĩa vụ nợ khác.

Chương II

CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC GIA

Điều 4. Mục đích cung cấp thông tin

Việc cung cấp thông tin, số liệu nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và xây dựng báo cáo tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam phục vụ công tác xếp hạng tín nhiệm của quốc gia.

Điều 5. Nguyên tắc cung cấp thông tin

Việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác xếp hạng tín nhiệm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Chính xác, đầy đủ, cập nhật và đúng thời hạn quy định.
2. Thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, phù hợp với các số liệu đã cung cấp hoặc số liệu đã công bố công khai.
3. Không trùng lặp, chồng chéo, đáp ứng yêu cầu phân tích, đánh giá của tổ chức xếp hạng tín nhiệm.
4. Phù hợp với quy định hiện hành về cung cấp thông tin.

Điều 6. Các loại thông tin cần thiết cho công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia

1. Thông tin chung về kinh tế - xã hội:

a) Chiến lược dài hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội hàng năm;

b) Số liệu thống kê tình hình thực hiện và dự báo về kinh tế - xã hội: Tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ tiết kiệm, tỷ lệ đầu tư, chỉ số lạm phát, dân số, việc làm, tỷ lệ thất nghiệp và các thông tin liên quan khác.

2. Thông tin về tài khóa

a) Chính sách tài khóa và các kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn;

b) Số liệu về thu, chi và cân đối ngân sách nhà nước;

c) Cải cách doanh nghiệp nhà nước;

d) Tình hình nợ của Chính phủ; nghĩa vụ nợ dự phòng của Chính phủ, nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia;

đ) Thông tin khác có liên quan.

3. Thông tin về tiền tệ, ngân hàng

a) Chính sách tiền tệ và các công cụ của chính sách tiền tệ (tỷ giá, lãi suất, dự trữ bắt buộc, thị trường mở);

b) Thông tin về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng và cải cách hệ thống Ngân hàng;

c) Tình hình và số liệu về cán cân thanh toán; dự trữ ngoại hối; tín dụng ngân hàng; nợ xấu, trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu;

d) Thông tin khác có liên quan.

4. Thông tin về kinh tế đối ngoại

a) Xuất nhập khẩu, cán cân thương mại;

b) Thu hút vốn FDI;

c) Tiếp nhận kiều hối;

d) Thông tin khác có liên quan.

5. Thông tin về chính trị:

a) Đường lối, chủ trương của Chính phủ;

b) Đặc điểm về nhân sự trong bộ máy của Chính phủ;

c) Quan hệ của Việt Nam với Chính phủ các nước và các tổ chức tài chính quốc tế;

d) Cải cách về hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính;

đ) Thông tin khác có liên quan.

6. Các thông tin kinh tế, xã hội khác trên cơ sở đề xuất của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng cung cấp của các cơ quan, tổ chức có liên quan của Việt Nam.

Điều 7. Kỳ hạn cung cấp thông tin

1. Thông tin, số liệu được các cơ quan liên quan cung cấp định kỳ (tháng, quý, năm) cho Bộ Tài chính theo các biểu số liệu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trong trường hợp đến thời hạn cung cấp chưa có số liệu chính thức, các cơ quan cung cấp cho Bộ Tài chính số liệu ước tính cập nhật nhất.

2. Thời hạn cung cấp thông tin định kỳ hàng tháng là ngày 15 của tháng tiếp theo.

3. Thời hạn cung cấp thông tin định kỳ hàng quý là ngày 30 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

4. Thời hạn cung cấp thông tin định kỳ hàng năm là ngày 28 của tháng 02 năm kế tiếp.

5. Đối với số liệu về kế hoạch, dự báo cho năm tiếp theo được cung cấp định kỳ hàng năm, thời hạn cung cấp thông tin là ngày 15 tháng 12 của năm thực hiện.

Điều 8. Phương thức cung cấp thông tin

1. Đối với thông tin, số liệu không thuộc danh mục bí mật Nhà nước, việc cung cấp thông tin, số liệu được thực hiện bằng văn bản, fax hoặc dữ liệu điện tử truyền qua mạng máy tính hoặc gửi qua vật mang tin.

2. Đối với thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước, việc cung cấp thông tin, số liệu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các tổ chức có liên quan thu thập, phân tích và xây dựng báo cáo tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội để phục vụ công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

b) Khai thác thông tin, số liệu trên trang thông tin điện tử của các Bộ, ngành và tổ chức liên quan;

c) Thu nhận các thông tin do các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân cung cấp;

d) Cung cấp thông tin, số liệu theo yêu cầu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm về các nội dung tại Điều 6, bao gồm nhưng không giới hạn các số liệu nêu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Sử dụng, lưu trữ, cung cấp và công bố thông tin, báo cáo phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thỏa thuận hợp tác với tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

2. Bộ, ngành và cơ quan liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu cho Bộ Tài chính để Bộ Tài chính cung cấp cho tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm cung cấp số liệu và thông tin về nợ nước ngoài của doanh nghiệp, chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá, hoạt động của hệ thống ngân hàng, các chương trình cải cách hệ thống ngân hàng, kiều hối, dự trữ ngoại hối, cán cân thanh toán và các thông tin khác có liên quan phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp các số liệu và thông tin về Chiến lược dài hạn, kế hoạch trung hạn, định hướng và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, thu nhập quốc dân, thu nhập bình quân đầu người, triển vọng tăng trưởng, tỷ lệ tiết kiệm, tỷ lệ đầu tư toàn xã hội, thông tin về nguồn vốn FDI và các thông tin khác liên quan phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Bộ Công Thương có trách nhiệm cung cấp số liệu và thông tin về xuất nhập khẩu, cán cân thương mại và các thông tin khác có liên quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương;

d) Các cơ quan khác có trách nhiệm cung cấp số liệu và thông tin phù hợp với chức năng nhiệm vụ quản lý theo đề nghị của Bộ Tài chính trên cơ sở yêu cầu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm;

đ) Các Bộ, ngành có trách nhiệm định kỳ cung cấp số liệu cho Bộ Tài chính theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và các thông tin, số liệu theo yêu cầu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm trong từng đợt làm việc cụ thể cho Bộ Tài chính.

Chương III

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC GIA

Điều 10. Mục đích, yêu cầu

1. Công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia là một quá trình thường xuyên nhằm trao đổi thông tin cập nhật với các nhà đầu tư, từng bước nâng cao uy tín của quốc gia trên trường quốc tế và đáp ứng tốt hơn yêu cầu về hội nhập kinh tế trong giai đoạn mới.

2. Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan trong công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

3. Đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời, chính xác.

4. Các thông tin, số liệu cung cấp, Báo cáo tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội, ý kiến giải trình cần phải phản ánh đầy đủ, phù hợp với thực trạng của nền kinh tế và tuân thủ các quy định tại Quyết định này.